

## 20 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

GS. Nguyễn Trọng Hiệu  
Viện trưởng Viện Khí tượng Thủy văn

Viện Khí tượng Thủy văn được thành lập ngày 18 tháng 3 năm 1977 trên cơ sở hợp nhất Đài Nghiên cứu khoa học khí tượng của Nhà Khí tượng và Phòng Nghiên cứu khoa học thủy văn của Cục Thủy văn, Bộ Thủy lợi với 90 cán bộ, trong đó có 10 phó tiến sĩ, 54 kĩ sư, 26 trung cấp và sơ học.

Ban đầu, Viện có 10 đơn vị chuyên môn cấp phòng và tổ, Đoàn khảo sát thủy văn đóng bằng sông Cửu Long và một đơn vị hành chính tổng hợp.

Năm 1981 Viện tiếp nhận Đoàn khảo sát thủy văn đóng bằng sông Hồng - Thái Bình và năm 1983 Viện được thành lập Phân viện Khí tượng Thủy văn phía Nam.

Từ năm 1984, Viện được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học. Từ đó, Viện KTTV có hai chức năng chính: nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học về khí tượng thủy văn.

Năm 1995 thực hiện Nghị định 62/CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 11-7-1994 và Quyết định số 2096 QĐ/KTTV của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện KTTV, Viện KTTV đã sáp xếp lại với chức năng chính là: nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên đại học và sau đại học thuộc lĩnh vực KTTV, môi trường không khí và nước nhằm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

Hiện nay, Viện Khí tượng Thủy văn có 158 cán bộ, trong đó có 2 giáo sư, 3 phó giáo sư, 1 tiến sĩ, 22 phó tiến sĩ, 85 kĩ sư, biên chế trong 6 đơn vị nghiên cứu và 2 đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nhiệt đới và bão
- Trung tâm Nghiên cứu khí hậu
- Trung tâm Nghiên cứu thủy văn
- Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp
- Trung tâm Nghiên cứu môi trường không khí và nước

- Phòng Nghiên cứu máy khí tượng thủy văn
- Phòng Hành chính Tổ chức
- Phòng Kế hoạch Tài chính.

Trong 20 năm qua Viện đã đạt được những thành tích sau đây:

## 1. Về công tác khoa học kĩ thuật

Hoàn thành 39 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, 95 đề tài nghiên cứu cấp Tổng cục và 26 đề tài cấp cơ sở và hàng trăm đề tài bằng hình thức hợp đồng kinh tế với các cơ quan Trung ương và địa phương, trong đó có nhiều công trình nghiên cứu được đưa vào phục vụ khai thác tài nguyên thiên nhiên, phòng chống bão lụt, bảo vệ môi trường, phục vụ các ngành kinh tế dân và quốc phòng.

Các đề tài cấp Nhà nước và đề tài cấp Tổng cục tập trung vào các chủ đề sau:

**Khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên**

\* Đánh giá tài nguyên gió, bức xạ, nắng và nhiệt độ

\* Đánh giá tài nguyên nước và thủy văn

**Phòng chống thiên tai**

\* Tần suất bão và mùa bão, gió bão và mưa bão

\* Mưa lớn và các loại hình thời tiết gây mưa lớn

\* Phân bố hạn hán

\* Lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long

\* Nguyên nhân và giải pháp phòng chống lũ quét.

**Bảo vệ môi trường**

\* Môi trường không khí và môi trường nước đô thị

\* Môi trường không khí và môi trường nước hồ Hoà Bình và khu vực lân cận

\* Nhiễm bản vùng biển Việt Nam

\* Phân bố ozon thẳng đứng ở Việt Nam

\* Kiểm kê quốc gia về khí nhà kính ở Việt Nam

\* Hiện trạng mưa axít ở Việt Nam

**Phục vụ các ngành kinh tế dân**

- \* Mối quan hệ giữa khí hậu và các bệnh phổ biến
- \* Khí hậu và chu kỳ sinh học của con người
- \* Đánh giá hiệu quả kinh tế của sử dụng thông tin khí hậu thủy văn đối với các ngành kinh tế quốc dân
- \* Phân vùng khí hậu phục vụ xây dựng và thiết kế nhà ở
- \* Phân vùng khí hậu phục vụ qui hoạch cây trồng và vật nuôi, qui hoạch rừng
- \* Nghiên cứu các đặc trưng khí hậu xây dựng để xác định các tiêu chuẩn Nhà nước về xây dựng
- \* Qui hoạch các vùng trồng cây dược liệu
- \* Đặc điểm khí hậu Hoàng Sa, Trường Sa
- \* Thiên tai ở các vùng núi
- \* Chỉ tiêu khí hậu cây lúa và các cây trồng phổ biến
- \* Dự báo năng suất lúa trong các thời vụ chủ yếu
- \* Dự báo sau bệnh hại lúa và các cây trồng chủ yếu
- \* Dự báo và cảnh báo cháy rừng.

#### *Phục vụ các hoạt động nghiên cứu và nghiệp vụ khí tượng thủy văn*

- \* Qui hoạch lưới trạm khí tượng thủy văn
- \* Qui hoạch lưới trạm đo mưa
- \* Phương pháp chuẩn bị thông tin khí hậu
- \* Phương pháp tính toán các đặc trưng thủy văn
- \* Hàng loạt công tác nghiệp vụ và phục vụ đã được thực hiện
- \* Biên soạn và xuất bản các Tập số liệu khí hậu thủy văn, các ATLAS khí hậu, thủy văn của chương trình cấp Nhà nước 42 A và ATLAS quốc gia
- \* Các tài liệu về đặc trưng hình thái sông ngòi và các phương pháp soạn thảo thông tin khí hậu
- \* Quản lý và hoạt động của lưới trạm môi trường không khí và nước, lưới trạm khí tượng nông nghiệp, lưới trạm ra-đa
- \* Điều tra khảo sát thủy văn đồng bằng sông Hồng, sông Thái Bình, sông Cửu Long, môi trường vùng hồ Hoà Bình, điều kiện khí hậu khu vực Lăng Bác
- \* Thực nghiệm khí tượng nông nghiệp tại 2 trạm Hoài Đức và Trà Nóc
- \* Tham gia thẩm định tài liệu thiết kế công trình hồ Hoà Bình
- \* Cung cấp tư liệu KTTV phục vụ xây dựng công trình thủy điện Yali, qui hoạch tổng thể đồng bằng sông Hồng
- \* Hoàn thành biên tập số tra cứu về tài nguyên khí hậu nông nghiệp, mùa vụ, tổng kết điều kiện KTNN phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng và thời vụ

\* Xuất bản niên san một số mùa bão, thông báo KTNN và thông báo môi trường không khí và nước, đánh giá hoạt động của trạm thực nghiệm môi trường hồ chứa Hòa Bình giai đoạn 1988 - 1995.

## 2. Về công tác hợp tác quốc tế

\* Làm đầu mối thực hiện hợp tác Việt-Xô về nghiên cứu bão và khí tượng nhiệt đới, điều hành các cuộc thám sát bão và hoạt động của lưới trạm ra-đa khí tượng ven biển.

\* Triển khai thực hiện dự án xói mòn Tây Nguyên

\* Điều hành Chương trình quốc gia thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu...

\* Tham gia các Ủy ban chuyên môn của Tổ chức Khí tượng thế giới

\* Tham gia các hội thảo khoa học quốc tế và khu vực về khí tượng thủy văn và môi trường

\* Tổ chức một số hội thảo khoa học quốc tế về khí hậu, thủy văn tại Việt Nam.

## 3. Về đào tạo sau đại học

Đào tạo được 17 phó tiến sĩ, hoàn thành 2 đợt xét phong học hàm cho 12 PGS và 4 GS khí tượng thủy văn.

## 4. Về công tác cải tiến

\* Đề xuất và được Tổng cục chấp nhận hợp lý hoá lưới trạm khí tượng thủy văn, tinh giảm được 30 trạm khí tượng thủy văn và hàng trăm trạm mưa không có hiệu ích rõ rệt.

\* Kiến nghị điều chỉnh thời vụ cho các tỉnh Trung Trung Bộ nhằm né tránh thiên tai.

\* Đề xuất một số giải pháp cảnh báo lũ quét, kiến nghị mạng lưới giám sát (monitoring) môi trường không khí và nước

\* Đề xuất và thực hiện nhiều sáng kiến trong công tác nghiên cứu và nghiệp vụ KTTV.

## 5. Về thực hiện chế độ chính sách chăm lo đời sống cán bộ

Viện luôn tuân thủ các chế độ chính sách của Nhà nước và qui định của Tổng cục. Bảo đảm quyền lợi kinh tế và chính trị đối với cán bộ công nhân trong Viện, thực hiện các hợp đồng kinh tế trong nghiên cứu khoa học để cán bộ công nhân viên có thêm thu nhập, giảm bớt khó khăn. Về công tác dân số

và kế hoạch hoá gia đình, Viện đã được Ban dân số Thành phố Hà Nội và quận Đống Đa xác nhận là đơn vị phấn đấu tốt.

## 6. Về các mặt công tác khác

\* Hoàn thành công tác xây dựng trụ sở Viện, chuẩn bị nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

\* Sửa chữa và nâng cấp nơi làm việc của Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nhiệt đới và bão, Trạm thực nghiệm KTNN Hoài Đức, Trạm Thực nghiệm môi trường hồ Hoà Bình.

\* Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy trong suốt 20 năm qua.

\* Đội Tự vệ của Viện 19 năm qua liên tục là đơn vị quyết thắng.

\* Công tác an ninh được thực hiện tốt, bảo đảm tài sản của Viện. Việc cử cán bộ đi học trong và ngoài nước đảm bảo đúng qui định, không sai phạm về nguyên tắc của Nhà nước và qui định của Tổng cục.

\* Công tác tài chính kế toán của Viện ngày một tiến bộ, hệ thống tài chính kế toán của Viện đã được hoàn chỉnh và hoạt động có nề nếp.

## 7. Về thi đua khen thưởng, đã có những thành tích sau đây:

\* Nhiều năm Viện được Tổng cục công nhận là đơn vị tiên tiến và được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cấp bằng khen năm 1985 nhân dịp 40 năm thành lập ngành KTTV.

\* Năm 1982 Đoàn Khảo sát thủy văn đồng bằng sông Hồng - Thái Bình được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cấp bằng khen về thành tích khảo sát thủy văn phục vụ việc ngăn sông Đà.

\* Năm 1984 Đoàn khảo sát thủy văn đồng bằng sông Cửu Long được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng III.

\* Năm 1986 có 5 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

\* Năm 1988 có 2 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 2 đơn vị đạt danh hiệu Tổ Lao động XHCN.

\* Năm 1990 có 1 Tổ Lao động XHCN, 2 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

\* Năm 1991 có 2 đơn vị được Tổng cục khen, 1 đơn vị được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

\* Năm 1991 có 1 Tổ Lao động XHCN và 2 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

\* Năm 1996 có 74 cán bộ công nhân viên được Tổng cục tặng Huy chương vì sự nghiệp KTTV.

\* Phòng Nghiên cứu tài nguyên nước từ năm 1977 đến 1992 liên tục là đơn vị Lao động XHCN, được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cấp Bằng khen, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng III.

Tóm lại, 20 năm qua Viện Khí tượng Thủy văn đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ trên đại học về KTTV, phục vụ cho công tác KTTV của cả nước, phục vụ các ngành kinh tế quốc dân và quốc phòng, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, góp phần thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Viện đã bảo đảm tốt nhiệm vụ Tổng cục giao, đã từng bước đưa công tác vào nề nếp, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, qui định của Tổng cục, bảo đảm quyền lợi kinh tế và chính trị cho cán bộ công nhân viên chức.

Viện Khí tượng Thủy văn đạt được những thành tích trên là nhờ sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tổng cục, sự giúp đỡ tận tình của nhiều đơn vị và cá nhân trong và ngoài Tổng cục KTTV, và sự cố gắng bền bỉ của toàn thể cán bộ và công nhân viện trong Viện Khí tượng Thủy văn trong suốt 20 năm qua.